



HỘI NHẬP QUỐC TẾ VÀ PHÁT TRIỂN **(International Integration and Development)**

MÃ HỌC PHẦN: ITS1051

Số tín chỉ: 02 (30 tiết)

ĐƠN VỊ PHỤ TRÁCH: KHOA QUỐC TẾ HỌC



**WHAT
DO YOU
THINK?**



PHẦN 1

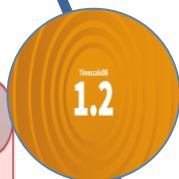
HỘI NHẬP QUỐC TẾ



NỘI DUNG CHÍNH



Khái niệm Hội nhập Quốc tế



Phân loại Hội nhập Quốc tế



Quá trình Hội nhập Quốc tế



Các điều kiện cần thiết cho HNQT



Hội nhập Quốc tế của Việt Nam

HỘI NHẬP QUỐC TẾ

1.1. Khái niệm

1.1.1. Hội nhập Quốc tế là gì?

1.1.2. Các khái niệm liên quan

~~✍~~ Hợp tác quốc tế

~~✍~~ Toàn cầu hóa

~~✍~~ Lợi ích quốc gia

~~✍~~ Độc lập, tự chủ & chủ quyền QG

~~✍~~ Bản sắc văn hóa dân tộc



1.1.1. Hội nhập Quốc tế là gì?



Hòa mình vào trong
một cộng đồng lớn

Thuộc về quan hệ giữa
các nước trên thế giới

Tham gia vào một cộng đồng để cùng hoạt động và phát triển với cộng đồng ấy (*thường nói về quan hệ giữa các dân tộc, các quốc gia*)



International Integration



**HNQT là một
phạm trù QHQT**

☛ “Hội nhập-liên kết-hòa nhập...”

☛ Từ điển Oxford: “*Hội nhập là hành động hay quá trình kết hợp hai hay nhiều hơn hai vật/sự việc để chúng ăn khớp với nhau/làm việc cùng nhau*”

☛ “Hành động hay quá trình gắn kết các phần tử riêng rẽ với nhau, hợp chung các bộ phận vào 1 chỉnh thể và kết hợp các thành tố khác nhau”



3 cách tiếp cận về HNQT

(1) Hội nhập là một sản phẩm cuối cùng hơn là một quá trình

- Quan điểm của Chủ nghĩa Liên bang: HN có sản phẩm là Nhà nước Liên bang Mỹ, Thụy Sĩ...
- Không đặt hiện tượng hội nhập trong quá trình phát triển
- Khó để áp dụng và giải thích thực tiễn của quá trình hội nhập như hiện nay

(2) HN là sự liên kết giữa các QG thông qua phát triển các luồng giao lưu & từ đó hình thành các cộng đồng an ninh

- *Quan điểm của Karl. W. Deutsch*
- *Tiếp cận khá cụ thể, sát thực tiễn, góp phần giải thích nhiều vấn đề của hiện tượng này*

(3) HN là hiện tượng, hành vi các QG mở rộng và làm sâu sắc hóa QH hợp tác (*trên cơ sở phân công lao động QT có chủ đích, dựa vào lợi thế và mục tiêu theo đuổi*)

- Chủ yếu tập trung vào hành vi của hiện tượng
- Không quan tâm thể chế cũng như kết quả cuối cùng
- Thiếu tính toàn diện, hạn chế trong khả năng giải thích



BỘ NGOẠI GIAO

2015

☛ “HNQT là ***tiến trình*** một ***quốc gia theo đuổi lợi ích, mục tiêu*** của mình thông qua việc ***tự giác, chủ động hợp tác, liên kết sâu rộng với các quốc gia khác trên nhiều lĩnh vực*** (KTCT-ANQP-VHXXH...) ***dựa trên sự chia sẻ*** về nhận thức, lợi ích, mục tiêu, giá trị, nguồn lực, quyền lực (chủ quyền, thẩm quyền định đoạt chính sách...) và ***chủ động chấp nhận, tuân thủ, tham gia xây dựng các luật chơi chung***, chuẩn mực chung trong khuôn khổ các định chế hoặc TCQT”.

☛ HNQT là hình thức phát triển cao của hợp tác quốc tế, là quá trình chủ động chấp nhận, áp dụng và tham gia xây dựng các luật lệ và chuẩn mực quốc tế nhằm phục vụ tối đa lợi ích quốc gia - dân tộc.

Tuyên giáo

BAN TUYÊN GIÁO TRUNG ƯƠNG

2017

- ☛ “HNQT là *quá trình liên kết, gắn kết* giữa *các quốc gia/vùng lãnh thổ* với nhau thông qua việc tham gia các tổ chức, thiết chế, cơ chế, hoạt động hợp tác quốc tế *vì mục tiêu phát triển* của bản thân mỗi quốc gia/vùng lãnh thổ đó và *nhằm tạo thành sức mạnh tập thể* giải quyết những vấn đề chung mà các bên cùng quan tâm.
- ☛ HNQT theo đúng nghĩa đầy đủ là hội nhập trên tất cả lĩnh vực khác nhau của đời sống xã hội”

➤ “Hội nhập Quốc tế là *quá trình kết hợp* các *quốc gia riêng rẽ* vào một trạng thái của *chính thể mới* trên cơ sở đảm bảo *lợi ích cơ bản của quốc gia*”

-Hoàng Khắc Nam (2017)-



**Đặc trưng
của HNQT**

- (1) Quá trình kết hợp các đơn vị riêng rẽ
- (2) Hình thành một chính thể mới
- (3) Các quốc gia phải tự điều chỉnh mình
- (4) Động cơ chính của HNQT là lợi ích cơ bản của QG

1.1.2. Các khái niệm liên quan



HỘI NHẬP
QUỐC TẾ

- ✍ Hợp tác quốc tế
- ✍ Toàn cầu hóa
- ✍ Lợi ích quốc gia
- ✍ Độc lập, tự chủ và chủ quyền QG
- ✍ Bản sắc văn hóa dân tộc

a/Hợp tác quốc tế

- Hợp tác xuất hiện trước-HNQT ra đời sau & thường khó khăn hơn.
- HTQT là nền tảng cơ bản của HNQT.



➤ “Hợp tác quốc tế là **sự phối hợp hòa bình** giữa các **chủ thể QHQT** nhằm thực hiện các **mục đích chung**”

➤ **4 đặc trưng:**

- + Mục đích: thực hiện mục đích chung *cụ thể hóa* bằng lợi ích chung
- + Hành vi: sự tương tác hòa bình (*bạo lực bị loại trừ*)
- + Kết quả: tạo ra kết quả giống nhau (*cùng/không cùng thỏa mãn*)
- + Chủ thể: phải có sự tham gia của các chủ thể QHQT

Phân biệt HTQT và HNQT

Tiêu chí	HTQT	HNQT
Các cấp độ lợi ích	Mọi cấp độ lợi ích	Lợi ích cơ bản <i>(như an ninh và phát triển)</i>
Yêu cầu tạo thành chính thể hay hệ thống mới	Không nhất thiết	Cần phải có
Mức độ điều chỉnh/ cải cách trong nước	Không đòi hỏi	Phải có điều chỉnh đáng kể & <i>nhường quyền hạn</i> cho chính thể mới
Quá trình/thời gian	Ngắn hạn hoặc dài hạn	Thường hướng tới quá trình liên kết dài lâu
Mức độ liên kết	Tạo điều kiện cho sự kết nối	Liên kết sâu sắc Quy định chặt chẽ
Điều kiện	Thường dễ dàng hơn	Điều kiện nhất định
Phạm vi, lĩnh vực	Mọi lĩnh vực	Khá khó khăn trong lĩnh vực liên quan đến chủ quyền quốc gia

b/Toàn cầu hóa

- ☛ TCH là một xu thế phát triển lớn của thế giới
- ☛ 1961: lần đầu tiên xuất hiện trong từ điển Anh
- ☛ Cuối 1980s: được sử dụng phổ biến, diễn đạt một nhận thức mới của loài người về hiện tượng, một quá trình quan trọng trong QHQT hiện đại
- ☛ TCH đơn thuần là “tìm đến với nhau” hoặc “tái kết nối các cộng đồng người” (re-connecting)



❖ Đặc trưng của TCH:



- ***Công nghệ mới***: tạo sự chuyển biến về chất trong quan niệm không gian-thời gian xã hội và nhân cách
- ***Tập trung thông tin*** cho phép liên lạc trực tiếp
- ***Gia tăng xu hướng chuẩn hóa*** các sản phẩm KT&XH
- ***Gia tăng hội nhập xuyên QG***: tạo ra xã hội đa văn hóa, mở rộng hơn...
- ***Tính dễ làm tổn thương lẫn nhau*** do sự tùy thuộc vào nhau tăng lên

So sánh TCH và HNQT?

❖ Giống nhau:

- ✓ Xu thế lớn của thế giới
- ✓ Sự tham gia của một QG vào đời sống quốc tế
- ✓ Có quan hệ tương hỗ, hai chiều
- ✓ Gia tăng sự phụ thuộc lẫn nhau

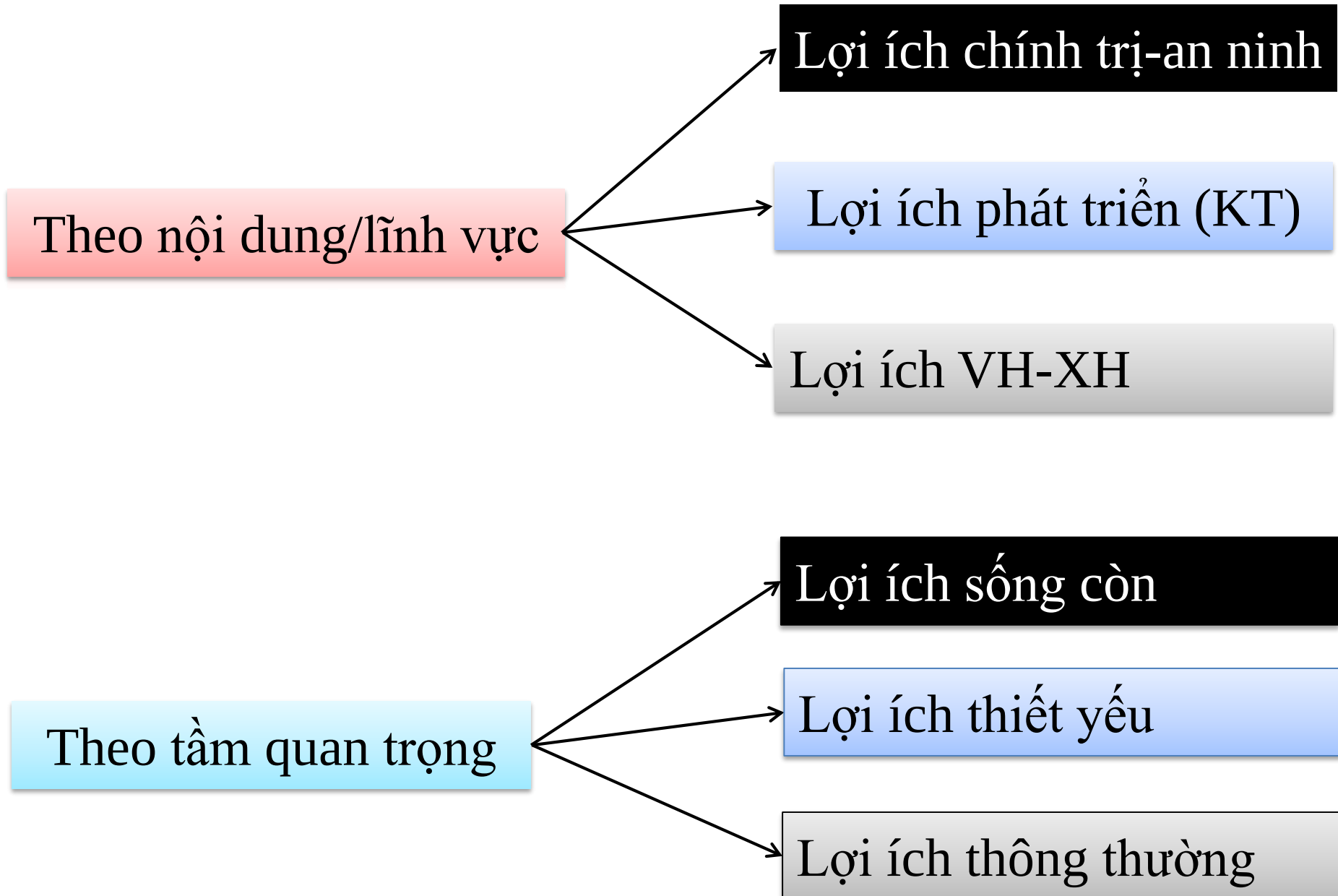
❖ Khác nhau:

	Toàn cầu hóa	HNQT
Tính chất	Xu thế khách quan, không thể đảo ngược	Xu thế khách quan & chủ quan
Hành động	Mang tính áp đặt	Mang tính chủ đích

c/Lợi ích quốc gia

- 1935: thuật ngữ được dùng ở Mỹ
- *“Lợi ích quốc gia là mục tiêu cơ bản và nhân tố quyết định cuối cùng trong việc hoạch định chính sách đối ngoại. Lợi ích quốc gia là khái niệm có tính khái quát hóa cao bao gồm những nhu cầu sống còn của quốc gia đó. Đó là tự bảo vệ, độc lập, toàn vẹn lãnh thổ, an ninh quân sự và thịnh vượng về kinh tế”*
- **Đặc điểm chung Lợi ích quốc gia:**
 - ☛ Lợi ích quốc gia có tính lịch sử;
 - ☛ Nhu cầu tồn vong và phát triển của dân tộc;
 - ☛ Được lãnh đạo quốc gia nhận thức, trở thành mục tiêu cơ bản của chính sách đối ngoại quốc gia;
 - ☛ Nhân tố rất quan trọng trong hoạch định chính sách đối ngoại của quốc gia.

➤ Phân loại Lợi ích quốc gia:



The logo features the word "TRUMP" in large, white, bold, sans-serif capital letters on a dark blue rectangular background. Above the letters are five small white stars. Below "TRUMP" is the slogan "MAKE AMERICA GREAT AGAIN!" in smaller, white, bold, sans-serif capital letters. The entire logo is enclosed in a thin red border.

TRUMP

MAKE AMERICA GREAT AGAIN!

Lợi ích quốc gia của Mỹ ?

Chiến lược An ninh quốc gia Mỹ (2017) đưa ra **4 trụ cột**:

1. Bảo vệ tổ quốc, nhân dân Mỹ và cách sống của người Mỹ;
2. Thúc đẩy sự thịnh vượng của nước Mỹ;
3. Gìn giữ hòa bình thông qua sức mạnh;
4. Gia tăng tầm ảnh hưởng của nước Mỹ;

Lợi ích quốc gia Trung Quốc ? (2011)

1. Chủ quyền quốc gia, toàn vẹn lãnh thổ và thống nhất đất nước;
2. An ninh quốc gia, chế độ chính trị và cục diện ổn định xã hội theo Hiến pháp;
3. Những đảm bảo cơ bản cho sự phát triển bền vững của kinh tế xã hội, an ninh tiền tệ, ổn định kinh tế...

Lợi ích quốc gia của VN?

- ❖ Về cấp độ: lâu dài & trước mắt; lợi ích sống còn & lợi ích quan trọng
- ❖ Về lĩnh vực: toàn diện
 - ✓ Chính trị
 - ✓ Kinh tế
 - ✓ Văn hóa-Xã hội
 - ✓ Đối ngoại
 - ✓ An ninh-quốc phòng

d/Độc lập, tự chủ và chủ quyền quốc gia

- ❖ Khái niệm “độc lập, tự chủ”: ra đời cùng với quá trình đấu tranh giải phóng, giành độc lập dân tộc.
- ✓ “Độc lập” là chế độ tự trị của một đất nước, một quốc gia bởi chính người dân sinh sống ở đó, nghĩa là có chủ quyền tối cao.
- ✓ “Tự chủ” là loại quyền đặc biệt để có thể kiểm soát được một khu vực về quyền cai trị liên quan đến con người hay bản thân một ai đó.
- ❖ “Độc lập”-“tự chủ” là hai *khái niệm thống nhất* nhưng *không đồng nhất*.
- ✓ Độc lập là trạng thái không phụ thuộc vào bất cứ thế lực nào ở bên ngoài;
- ✓ Tự chủ là năng lực kiểm soát, chủ động đưa ra những chính sách phù hợp với mục tiêu của mình.

❖ Chủ quyền quốc gia:

- ✓ 1576: học giả Pháp Jean Bodin *lần đầu tiên* đưa ra khái niệm
- ✓ 1648: Hiệp ước Westphalia, CQQG được xem như là khái niệm nền tảng của luật pháp châu Âu
- ✓ “*CQQG là 1 ý tưởng về việc tồn tại 1 thực thể quyền lực chính trị tuyệt đối và cuối cùng trong một cộng đồng chính trị*”
- Đặc trưng của chủ quyền QG:
 - ✓ CQQG là duy nhất và không thể phân chia
 - ✓ CQQG có tính tối cao
 - ✓ CQQG là bình đẳng: (điều 2, Hiến chương LHQ 1945)
- => HNQT có thể có nguy cơ dẫn tới “xói mòn” CQQG!

e/Bản sắc văn hóa dân tộc

- *“Bản sắc văn hóa dân tộc là những nét đặc trưng đặc biệt làm nên sắc thái, bản lĩnh và dấu ấn riêng của mỗi dân tộc, từ những nét đó để phân biệt dân tộc này với dân tộc khác”*
- HNQT có tác động 2 chiều đến bản sắc văn hóa dân tộc
- ✓ *HNQT làm rõ nét, phổ biến rộng rãi, tạo ra giá trị văn hóa chung...*
- ✓ *HNQT cũng có thể làm “xói mòn” bản sắc văn hóa DT*

1.2. Phân loại Hội nhập quốc tế

- a/Dựa theo lĩnh vực  Kinh tế - chính trị
- b/Dựa theo quy mô không gian  Khu vực – Toàn cầu
- c/Dựa theo mức độ liên kết kinh tế  5 mức độ
- (1)FTA  (2)Liên hiệp thuế quan  (3)Thị trường chung
-  (4) Liên hiệp kinh tế  (5)Hội nhập kinh tế toàn bộ

a/Dựa theo lĩnh vực

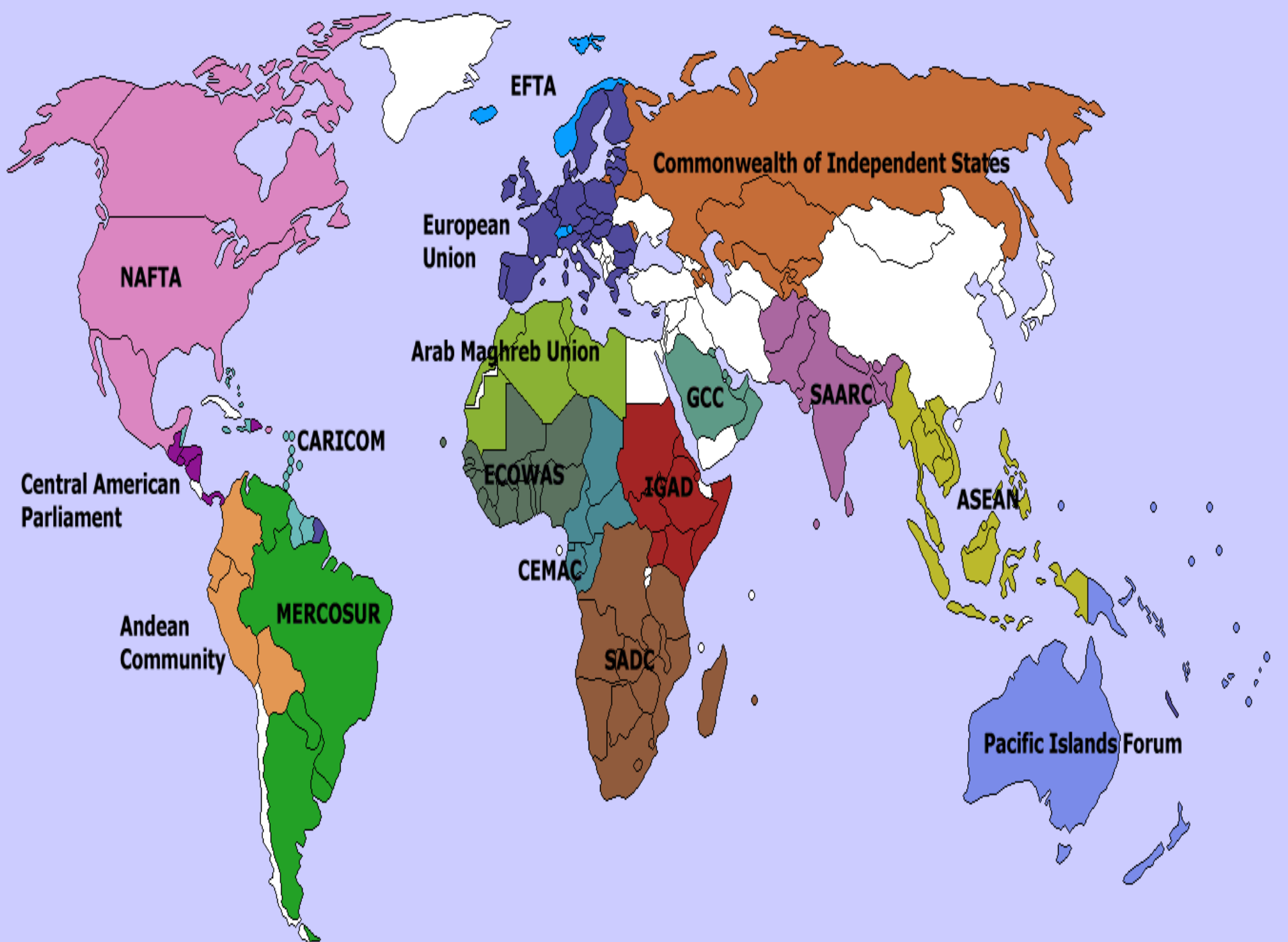


Kinh tế - chính trị

- ***Hội nhập chính trị*** là quá trình thiết lập một chỉnh thể chính trị giữa các QG.
- ***Hội nhập kinh tế*** là quá trình thiết lập một dạng cộng đồng kinh tế nào đó.
- Ngoài ra, còn có hội nhập tổng thể - hội nhập đồng thời đa lĩnh vực (EU).
- **Lưu ý:**
 - Hiện nay, HNQT chủ yếu là hội nhập kinh tế quốc tế.
 - Hội nhập trong lĩnh vực khác: có đề ra song thường ở mức hợp tác.

b/Dựa theo quy mô không gian ➡ Khu vực – Toàn cầu

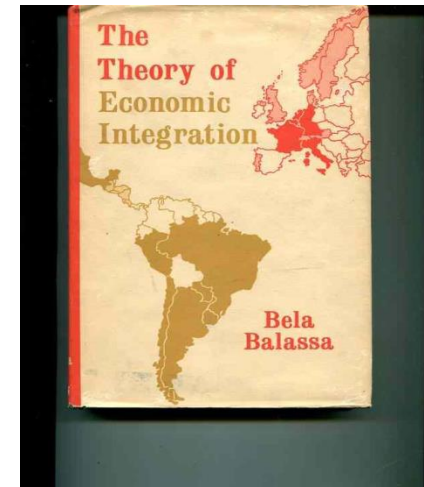
- ***Hội nhập toàn cầu*** là sự tham gia hội nhập của các nước trên quy mô thế giới.
- ***Hội nhập khu vực*** là sự hội nhập của các nước trong phạm vi không gian địa lý nào đó.
- **Lưu ý:**
 - HNQT chủ yếu diễn ra ở cấp độ khu vực.
 - HN toàn cầu **gần như chưa có** (dấu hiệu rõ nhất WTO - hội nhập kinh tế toàn cầu).
 - HN khu vực được coi là cách thức tiến tới hội nhập toàn cầu.



c/Dựa theo mức độ liên kết kinh tế ➡

5 mức độ

- FTA (*Free Trade Area*): bãi bỏ hàng rào thuế quan và phi thuế quan giữa các nước thành viên
- CU (*Custom Union*): giống FTA và thêm quy định mức thuế suất chung đối với các nước bên ngoài
- CM (*Common Market*): ngoài các yếu tố của FTA và CU, thêm quy định về tự do lưu thông lao động, vốn...trong thị trường các nước thành viên.
- EU (*Economic Union*): hòa hợp chính sách kinh tế giữa các nước thành viên, trong đó có thể có việc xây dựng đồng tiền chung
- Hội nhập Kinh tế toàn bộ (*Total Economic Integration*): thống nhất các chính sách kinh tế, thiết lập thể chế chung, có mức độ hội nhập nhất định về chính trị



FTA

CU

CM

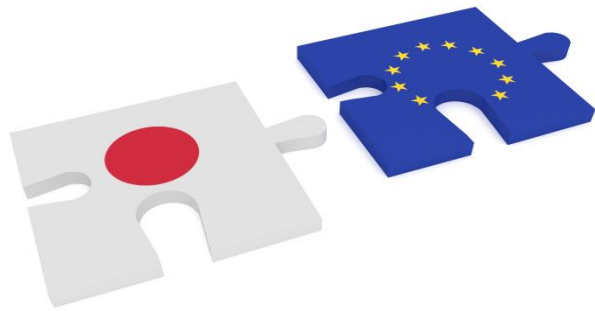
EU

TEI

Ví dụ một số FTA



Creating One African Market



- 15 thành viên
- 15/11/2020: kí kết sau 8 năm đàm phán

- FTA quy mô lớn nhất thế giới:
- ✓ Dân số: 2,2 tỷ (~ 30% toàn TG)
- ✓ GDP: 26.200 tỷ USD (~30% GDP toàn cầu)



Liên minh Thuế quan (CU- custom union)

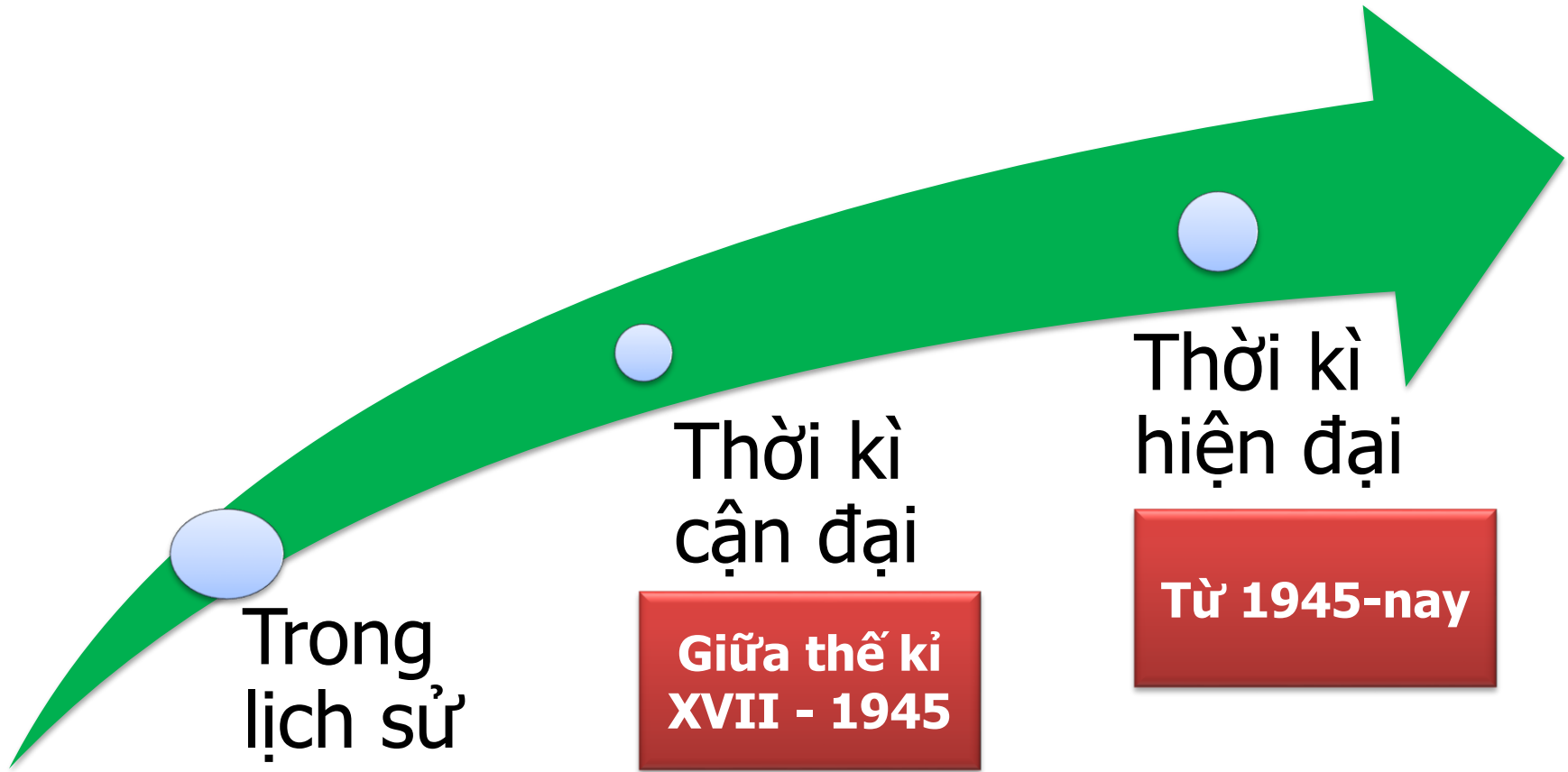


Monetary Union

- Euro
- West African Monetary Union (CFA Franc)
- Eastern Caribbean Currency Union



1.3. Quá trình Hội nhập Quốc tế



Hội nhập: xuất hiện từ lâu (sự hình thành quốc gia-dân tộc dựa trên các nhóm, giai tầng xã hội)

HNQT là hiện tượng xuất hiện trong quan hệ giữa các quốc gia và xuất hiện muộn

1.3.1. Thời kì cận đại

(a) Giai đoạn : Nửa cuối thế kỷ XIX-1918

❖ **Địa bàn:** chủ yếu ở châu Âu

❖ **Lí do:** CNTB – cách mạng công nghiệp – tiến bộ về công nghệ - thương mại phát triển – vị trí bá quyền của châu Âu...

❖ **Dấu hiệu:** các hiệp định thương mại song phương và liên minh thuế quan

▪ Hiệp định TM Anh-Pháp (1860), Anh kí kết với 46 QG, Đức kí với 30 QG, Pháp kí với 20 QG

▪ Hình thành các liên minh thuế quan: Đức (kí 1833 và hiệu lực 1834), Thụy Sĩ (1848), Áo (1850), Đan Mạch (1853), Ý (1860s)...

❖ **Tại châu Á:** cuối thế kỷ XIX, Anh thành lập FTA với thuộc địa

▪ 1880: Khối thương mại liên kết giữa Anh với Ấn Độ, Trung Quốc

▪ Sự bành trướng thương mại của Nhật Bản đầu thế kỷ XX

(b) Giai đoạn 1918-1939:

- ❖ **Dấu hiệu:** hiệp định ưu đãi song phương (PTA) và liên minh thuế quan
 - ❖ ***HNQT có 1 số đặc điểm khác:***
 - Xuất hiện của chủ nghĩa đa phương trong liên kết KTQT
 - Tính phân biệt đối xử cao hơn
 - Yếu tố chính trị bắt đầu gia tăng chi phối
 - ❖ ***Một số biểu hiện:***
 - Hội nghị Genoa 1925 – đàm phán thương mại và tài chính, nhưng bất thành (1930)
 - 1928: Pháp lập liên minh thuế quan với thuộc địa và các nước phụ thuộc
 - 1932: Anh thiết lập hệ thống ưu đãi trong Khối thịnh vượng chung
 - 1934: Hiệp ước Rome (thiết lập PTA giữa Ý, Áo, Hungary)
 - 1930s: Mỹ kí hơn 20 hiệp định FTA
 - ❖ Xuất hiện sự hội nhập ở khu vực khác: Châu Phi – Trung Đông, Nam Á, Đông Nam Á...
 - 1900-1945: 5 hội nghị toàn Phi được tổ chức
- => tiền đề cho việc thành lập Tổ chức thống nhất châu Phi (OAU) và Liên minh châu Phi (AU)

1.3.2. Thời kì hiện đại

➤ *(1) Các nỗ lực hợp tác kinh tế đa phương trên quy mô toàn cầu gia tăng mạnh mẽ*

- Hình thành liên minh tiền tệ và vai trò mới của USD (phương tiện thanh toán và dự trữ)
- 1945: IMF và WB ra đời
- Nỗ lực của UN thiết lập Hội đồng KT-XH (ECOSOC), Tổ chức TMQT (ITO) (1947-1948) và tổ chức Hội nghị Thương mại và phát triển (UNCTAD) từ 1964...
- GATT (Hiệp ước chung về thuế quan và mậu dịch): cắt giảm hàng rào thuế quan, thúc đẩy tự do hóa thương mại

➤ *(2) Xu hướng HNQT lan mạnh sang các khu vực khác chứ không tập trung ở châu Âu*

- Mỹ: Kế hoạch Clayton (1945), Sáng kiến lòng chảo Caribbean (Caribbean Basin Initiative) 1982 và NAFTA (1988)...
- Các nước thế giới thứ Ba: hội nhập mạnh sau khi giành được độc lập (1960s và 1970s)
 - 1960: Khu vực mậu dịch tự do Mỹ Latinh LAFTA/LAIA
 - 1975: Cộng đồng kinh tế Tây Phi (ECOWAS)
 - 1976: Cộng đồng kinh tế các nước có hồ lớn (CEPGL)
 - 1960: CACM (Central American Common Market); 1969: SACU (Southern African Custom Union); 1973: CARICOM (Caribbean Community); 1981: GCC (Gulf Cooperation Council)
- Đặc điểm Hội nhập ở các nước thế giới thứ Ba:
 - ✓ 2 loại hình: khu vực thương mại ưu đãi và liên hiệp thuế quan
 - ✓ Sự hình thành của các nước đang phát triển, không có sự tham gia của các nền kinh tế lớn

➤ *(3) Hội nhập được tăng cường thể chế hóa bằng việc thành lập các tổ chức khu vực*

- Từ 1960-kết thúc CTL: các nước châu Phi lập 200 tổ chức khu vực với nhiều hình thức
- 1945: Liên đoàn Arab
- 1948: Tổ chức các nước châu Mỹ (OAS)
- 1963: Tổ chức Thống nhất châu Phi (OAU)
- 1967: ASEAN
- 1985: Hiệp hội Nam Á và Hợp tác khu vực (SAARC)
- 1989: APEC
- Tuy nhiên, những tổ chức khu vực đậm nét nhất mang dấu ấn của sự phân liệt thế giới thành 2 phe

➤ (4) Sau Chiến tranh Lạnh, HNQT phát triển mạnh, đặc biệt về mặt kinh tế

- 1/1995: WTO thành lập => tăng mạnh số lượng RTA được kí kết
- Số lượng tổ chức khu vực tăng cả về lượng và chất
 - 1991: 3.603 tổ chức
 - 2005-2006: 5.902 tổ chức

Động lực của Hội nhập?

Vì sao?

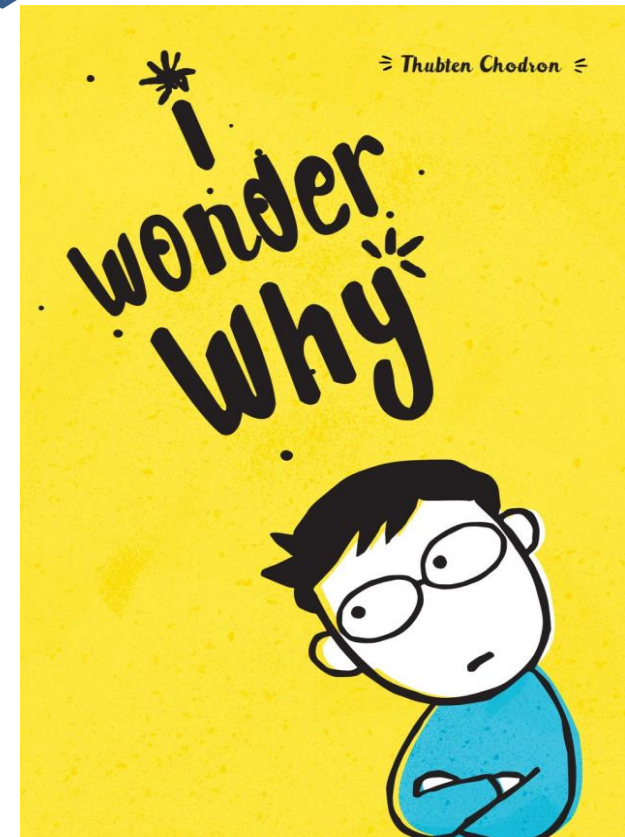
Có lợi ích

nhưng Hội nhập chưa chắc đã được tiến hành

Có lợi ích, hội nhập đã được tiến hành

nhưng chưa chắc đã hiệu quả

Lợi ích



Phụ thuộc vào các điều kiện cần thiết!

1.4. Các điều kiện cần thiết cho HNQT

Điều kiện từ bên ngoài (8)

Sự bất đối xứng quyền lực
(ví dụ QG)

Số lượng chủ thể tham gia

Luật lệ trong QHQT

Cấu trúc của Hệ thống QT
(1 cực, 2 cực, đa cực...)

Các thành tố khác của Hệ thống QT
(mức độ, xu hướng, mẫu hình,)

Tác động từ các nước liên quan khác

Bối cảnh hòa bình và sự ổn định tương đối của QHQT

Xu hướng toàn cầu hóa và khu vực hóa

Điều kiện từ bên trong (10)

Tính toán lý trí

Lòng tin

Các nhóm trong nước

Giới tinh hoa xã hội

Thế chế trong nước và cơ chế
hoạch định chính sách

Giá trị và bản sắc

Nền tảng hợp tác trước đó của chủ thể

Sự tự nguyện, bình đẳng
và đồng thuận

Điều kiện về kinh tế

Điều kiện về chính trị



1.5. Hội nhập Quốc tế của Việt Nam



Chủ trương và chính sách

Ban Chỉ đạo quốc gia về HNQT

Quá trình HNQT trên các lĩnh vực

1.5.1. Chủ trương và chính sách

- **Trước 1986:** mức độ và quy mô chưa sâu sắc, toàn diện
 - ✓ NQ Đại hội Đảng IV (1976) và V (1982): chủ yếu là liên kết/hội nhập vào cộng đồng các nước XHCN với tổ chức Hội đồng tương trợ kinh tế (SEV).
- => Hội nhập quốc tế còn hạn chế



- **Từ sau 1986:** HNQT là một chủ trương lớn, nhất quán, xuyên suốt
- ***Quan điểm và nguyên tắc :***
 - ✓ HNQT là xu thế của sự phát triển
 - ✓ Chủ động đẩy nhanh quá trình hội nhập

➤ **Đại hội VI (12/1986):**

- ✓ Chưa sử dụng: “TCH” và “HN KTQT”
- ✓ Sử dụng “Quốc tế hóa” và “tham gia vào phân công lao động quốc tế”
- ✓ “Thêm bạn, bớt thù”



➤ **Đại hội VII (6/1991):** “Việt Nam muốn là bạn của tất cả các nước trong cộng đồng thế giới....”

➤ **Đại hội VIII (6/1996):** *lần đầu sử dụng “hội nhập”*

- ✓ “xây dựng nền kinh tế mở, hội nhập với khu vực và thế giới”
- ✓ “đẩy nhanh quá trình hội nhập kinh tế khu vực và thế giới”

➤ **Đại hội IX (4/2001):**

- “Chủ động hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực theo tinh thần phát huy tối đa nội lực, nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế, đảm bảo độc lập tự chủ và định hướng xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi dân tộc, an ninh quốc gia, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, bảo vệ môi trường”.
 - Cần “khẩn trương xây dựng và thực hiện kế hoạch HNKTQT với lộ trình hợp lý và chương trình hành động cụ thể”
 - ▶ **27/11/2001: Nghị quyết 07-NQ/TW** về HNKTQT ra đời
- => kim chỉ nam hướng dẫn thống nhất về nhận thức và hành động
- ▶ **1/2004: Nghị quyết TW 9 khóa IX:** “chủ động và khẩn trương hơn trong HN KTQT, thực hiện đầy đủ các cam kết quốc tế...và chuẩn bị tốt các điều kiện để sớm gia nhập WTO”

➤ **Đại hội X (2006):**

- “Chủ động và tích cực HNKTQT, đồng thời mở rộng HTQT trên các lĩnh vực khác”
- “hội nhập sâu hơn và đầy đủ hơn với các thể chế kinh tế toàn cầu, khu vực và song phương”

▶ **5/2/2007: Nghị quyết 08-NQ/TW:** tiếp tục “Hội nhập vì lợi ích đất nước...”; “Hội nhập kinh tế quốc tế là công việc của toàn dân. Nhân dân là chủ thể của hội nhập và được hưởng thành quả từ hội nhập”

➤ **Đại hội XI (1/2011):** *“Chủ động và tích cực HNQT”*

▶ **10/4/2013: Nghị quyết số 22-NQ/TW:** hội nhập toàn diện với “hội nhập kinh tế là trọng tâm, hội nhập trong các lĩnh vực khác phải tạo thuận lợi cho hội nhập kinh tế và góp phần tích cực vào phát triển kinh tế”

Cụ thể hóa về Hội nhập Quốc tế

1

HNQT là sự nghiệp của toàn dân và cả hệ thống chính trị



2

Đẩy mạnh hội nhập trên cơ sở phát huy tối đa nội lực, gắn kết chặt chẽ và thúc đẩy quá trình nâng cao sức mạnh tổng hợp, năng lực cạnh tranh

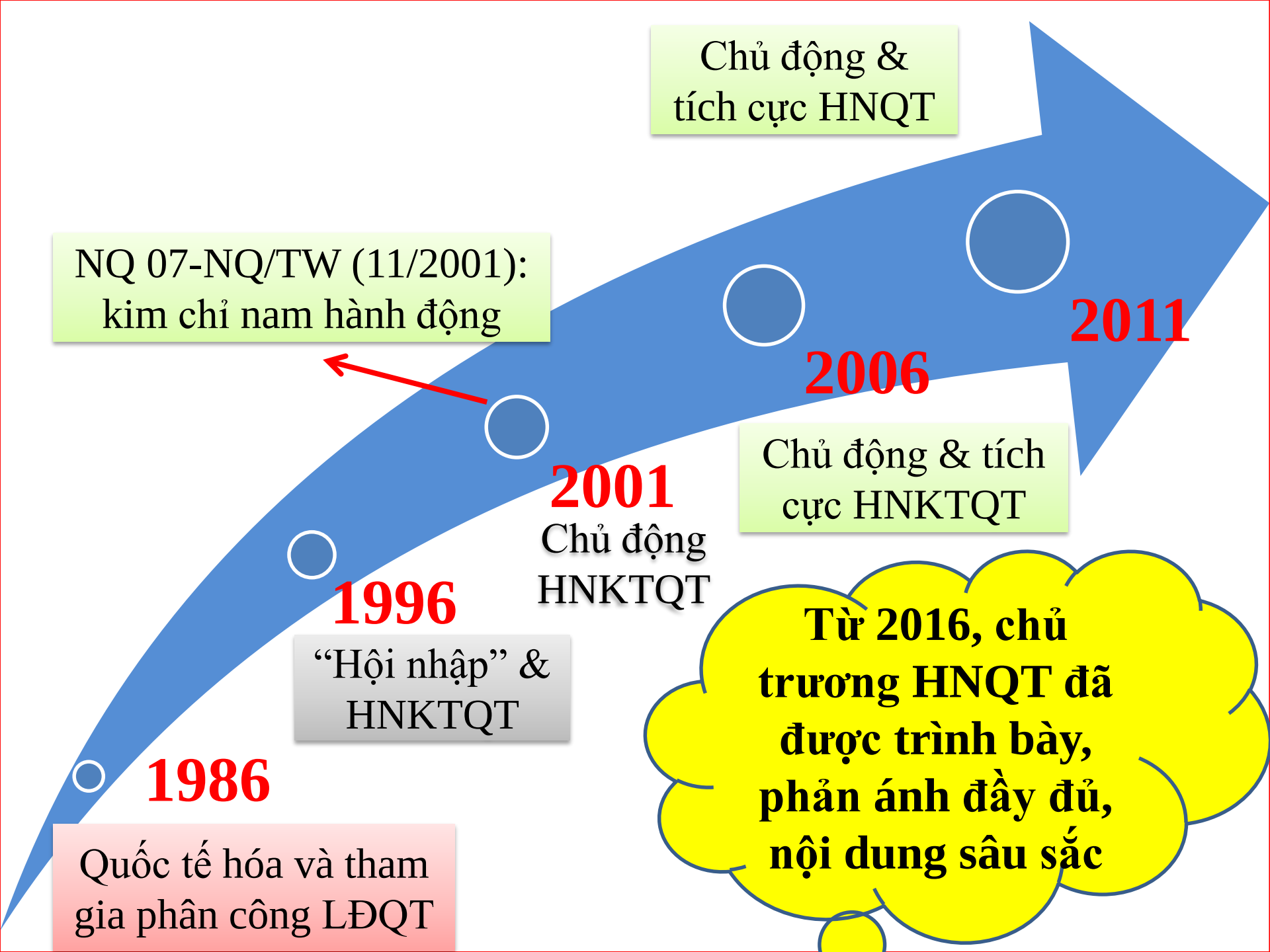
3

Hội nhập kinh tế là trọng tâm, hội nhập trong các lĩnh vực khác phải tạo thuận lợi cho HNKT.

4

Hội nhập là quá trình vừa hợp tác vừa đấu tranh, chủ động dự báo

► 27/9/2019: Nghị quyết số 52-NQ/TW của Bộ Chính trị về “một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4” có đề cập tới chính sách HNQT



1.5.2. Ban Chỉ đạo quốc gia về HNQT

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

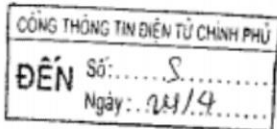
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 596 /QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 23 tháng 4 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thành lập Ban Chỉ đạo quốc gia về hội nhập quốc tế



THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Nghị quyết số 22-NQ/TW ngày 10 tháng 4 năm 2013 của Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam khóa XI về hội nhập quốc tế;

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

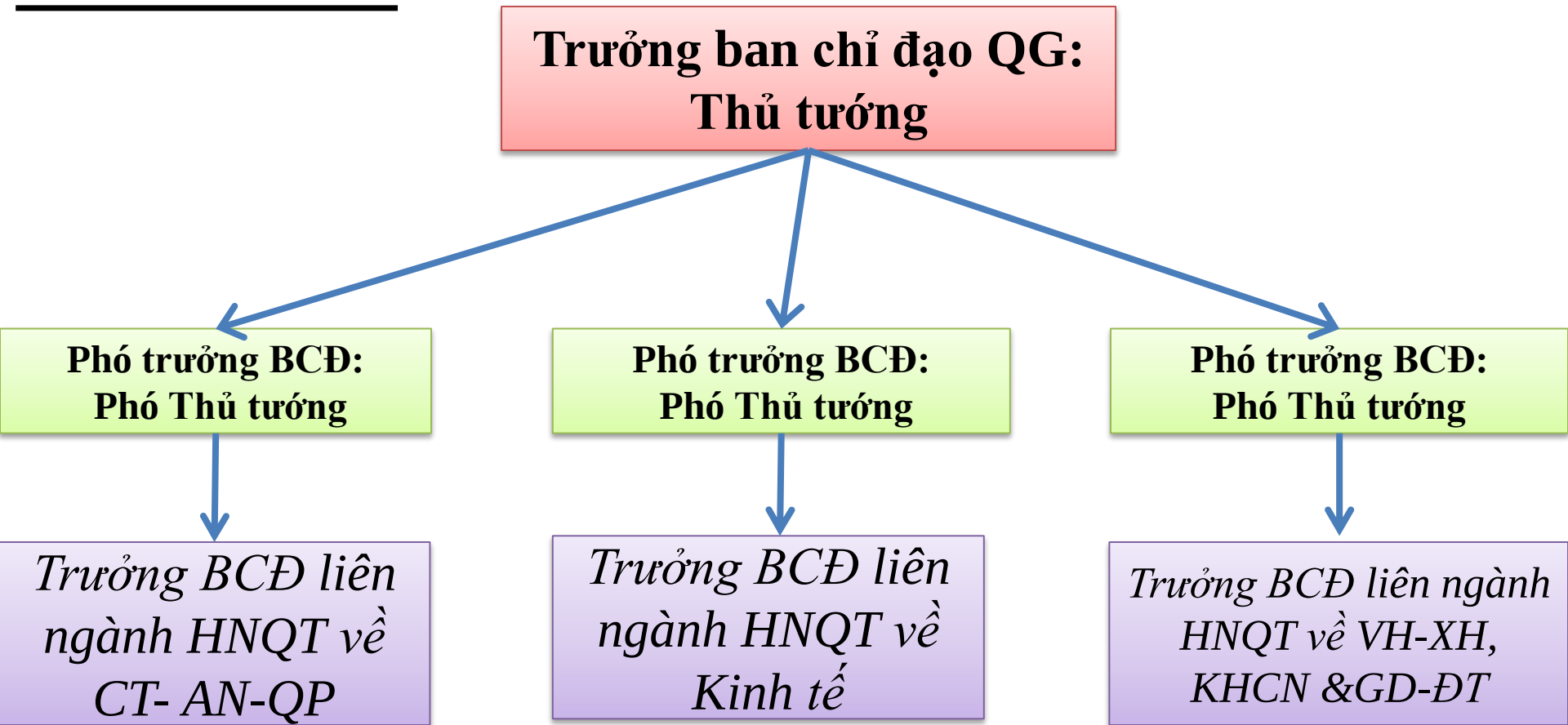
Căn cứ Quyết định số 34/2007/QĐ-TTg ngày 12 tháng 03 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế thành lập, tổ chức và hoạt động của tổ chức phối hợp liên ngành;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Ngoại giao,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Ban Chỉ đạo quốc gia về hội nhập quốc tế (sau đây gọi tắt là Ban Chỉ đạo quốc gia), gồm:

Cơ cấu tổ chức



- **4 ủy viên thường trực:** Chủ nhiệm VPCP, Bộ trưởng Ngoại giao, Công thương, LĐ-TB&XH
- **8 ủy viên:** Lãnh đạo BQP, BCA, KH-ĐT, Tài chính, Tư pháp, KH&CN, GD&ĐT, VH-TT&DL

1.5.3. Quá trình HNQT trên các lĩnh vực



**Chính trị, quốc
phòng
-An ninh**

Kinh tế quốc tế

Văn hóa-xã hội

Đánh giá chung về HNQT của VN?



TỔNG BÍ THƯ, CHỦ TỊCH QUỐC
NGUYỄN PHÚ TRỌNG

Đất nước ta chưa bao giờ
có được cơ đồ, tiềm lực,
vị thế uy tín quốc tế như
ngày nay.



a/Chính trị -Quốc phòng, an ninh

➤ *Mục tiêu*

- ✓ Bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc
- ✓ Bảo vệ lợi ích QG-DT
- ✓ Giữ vững môi trường hòa bình, ổn định
- ✓ Tạo điều kiện cho HNQT trên các lĩnh vực khác

➤ *Chính sách lớn*

- ✓ Đẩy mạnh hợp tác song phương về QP-AN (với láng giềng, ASEAN, nước lớn, bạn bè truyền thống...)
- ✓ Chủ động, tích cực tham gia các cơ chế đa phương (ASEAN, hoạt động gìn giữ hòa bình của LHQ...)

➤ **Kết quả :**

- ✓ Chính trị, QP-AN: mở rộng, chiều sâu, hiệu quả thiết thực...
- ✓ 2019: **Việt Nam là nước ASEAN duy nhất** có quan hệ đối tác chiến lược hoặc toàn diện với 5 thành viên thường trực của HĐBA LHQ, toàn bộ G7 và 16/20 nước G20...
- ✓ 2020: 17 đối tác chiến lược, 13 đối tác toàn diện, 3 đối tác chiến lược toàn diện
- ✓ Chủ động tham gia một số hoạt động đa phương toàn cầu (gìn giữ hòa bình...)
- ✓ Nâng cao hình ảnh, uy tín, vị thế...
- ✓ Tạo nguồn lực xây dựng QĐND và CAND

➤ **Hạn chế:**

- ✓ Chủ trương đúng, phù hợp song còn dè dặt, chưa tự tin
- ✓ Hệ thống VBPL chậm bổ sung, hoàn thiện, thiếu cơ sở pháp lý
- ✓ Khả năng nghiên cứu, dự báo, trình độ, năng lực chuyên môn nghiệp vụ chưa vững mạnh

b/Kinh tế quốc tế

➤ *Chủ trương:*

- ✓ HNKT là trọng tâm, hội nhập trong các lĩnh vực khác phải tạo điều kiện cho HNKT

➤ **Kết quả:**

TÓM TẮT CÁC MỐC HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ CHÍNH CỦA VIỆT NAM

Hiệp định về quan hệ thương mại giữa Việt Nam và Hoa Kỳ Việt Nam và Hoa Kỳ Ký kết năm 2000 và thực hiện từ năm 2001	Khu vực mậu dịch tự do ASEAN (AFTA) 10 nước ASEAN Ký năm 1992, Việt Nam tham gia năm 1995
Khu vực mậu dịch tự do ASEAN - Hàn Quốc (AKFTA) 10 nước ASEAN và Hàn Quốc Ký năm 2006; riêng Thái Lan ký năm 2009	Khu vực mậu dịch tự do ASEAN - Trung Quốc (ACFTA) 10 nước ASEAN và Trung Quốc Ký năm 2004
Hiệp định Đối tác Kinh tế toàn diện ASEAN - Nhật Bản (AJCEP) 10 nước ASEAN và Nhật Bản Ký năm 2008	Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) Việt Nam là thành viên thứ 150 Gia nhập năm 2007
Hiệp định khung về hợp tác kinh tế toàn diện ASEAN - Ấn Độ (AIFTA) 10 nước ASEAN và Ấn Độ Ký năm 2009	Hiệp định Đối tác Kinh tế Việt Nam - Nhật Bản (VJEPA) Việt Nam và Nhật Bản Ký năm 2008
Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - Chi-lê (VCFITA) Việt Nam và Chi-lê Ký năm 2011	Hiệp định Thương mại tự do ASEAN - Ô-xtrây-li-a - Niu Di-lân (AANZFTA) 10 nước ASEAN và Ô-xtrây-li-a, Niu Di-lân Ký năm 2009
Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - Hàn Quốc (VKFTA) Việt Nam và Hàn Quốc Ký ngày 5-5-2015	Hiệp định Đối tác kinh tế toàn diện khu vực (RCEP - ASEAN+6) 10 nước ASEAN, Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Ấn Độ, Ô-xtrây-li-a, Niu Di-lân Bắt đầu đàm phán từ ngày 9-5-2013, hiện vẫn đang trong quá trình đàm phán
Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) Gồm 11 nước thành viên là: Ô-xtrây-li-a, Bru-nây, Ca-na-đa, Chi-lê, Nhật Bản, Ma-lai-xi-a, Mê-hi-cô, Niu Di-lân, Pê-ru, Xin-ga-po và Việt Nam Ký ngày 8-3-2018	Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên minh kinh tế Á - Âu (EAEU) Việt Nam và các nước Liên bang Nga, Cộng hòa Bê-la-rút, Cộng hòa Ca-dắc-xtan, Cộng hòa Ác-mê-ni-a và Cộng hòa Cư-rơ-gư-xtan được ký kết ngày 29-5-2015 và có hiệu lực từ ngày 5-10-2016 Ký kết ngày 29-5-2015 và có hiệu lực từ ngày 5-10-2016
	Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam và EU (EVFTA) Việt Nam và khối EU Ký ngày 30-6-2019 và có hiệu lực từ ngày 1-8-2020

- ✓ Một trong những nền kinh tế tăng trưởng nhanh nhất trong khu vực và TG
- ✓ QH thương mại với hơn 200 QG và vùng lãnh thổ
- ✓ “mắt xích” quan trọng trong mạng lưới liên kết kinh tế
- ✓ GDP (2014-2018): 6,55% và 2.587USD/người
- ✓ 71 nước công nhận VN là nền KTTT; thực thi 11 FTA (2019)
- ✓ XNK: >480 tỉ USD (2018)

➤ *Hạn chế:*

- ✓ Còn thua thiệt, xảy ra những vụ kiện tranh chấp
- ✓ Chưa xác lập được môi trường kinh doanh và đầu tư bền vững => Quan hệ với đối tác gặp trở ngại
- ✓ Triển khai chưa kịp thời các cam kết
- ✓ Chủ trương, đường lối bị chậm quán triệt, cụ thể hóa và thể chế hóa
- ✓ Thiếu sự chỉ đạo, phối hợp đồng bộ
- ✓ HNQT các lĩnh vực khác còn bị động, chưa gắn kết và hỗ trợ tích cực cho HNKTQT

c/Văn hóa-xã hội

❖ Thành tựu:

- ✓ “Quảng bá hình ảnh, văn hóa Việt Nam. Bảo toàn và phát huy đoàn kết dân tộc.”
- ✓ “Khẳng định và truyền thông với cộng đồng quốc tế hình ảnh, đất nước, văn hóa, con người Việt Nam, hòa bình, năng động, thân thiện, mến khách, đang vươn lên mạnh mẽ, tích cực và có năng lực đóng góp có trách nhiệm cho những lợi ích chung của cộng đồng quốc tế”

❖ Hạn chế:

- ✓ “Xuất hiện biểu hiện phản cảm, lệch lạc, đạo đức, văn hóa xuống cấp
- ✓ Các lĩnh vực giáo dục và đào tạo, y tế, khoa học công nghệ còn nhiều tồn tại, hạn chế, yếu kém..”